



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS FOR THE SECOND TIME
(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 02 năm 2025
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm**

Laboratory: **Drugs, Cosmetics and Food Quality Control Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang**

Organization: **Tuyên Quang Department of Health**

Lĩnh vực: **Dược, Hóa**

Field: **Pharmaceutical, Chemical**

Người quản lý/ *Laboratory manager*: **Nguyễn Thị Hằng**

Số hiệu/ *Code*: **VILAS 631**

Hiệu lực công nhận/ *period of validation*: **Kể từ ngày / 02 / 2025 đến ngày 13 / 02 /2026**

Địa chỉ / *Address*: **Số 7 Lê Hồng Phong, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang**

Địa điểm / *Location*: **Số 7 Lê Hồng Phong, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang**

Điện thoại/ *Tel*: **(+84) 2073 821 664**

Fax:

E-mail: **ttkiemnghiem@tuyenquang.gov.vn**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG**LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS****VILAS 631**Lĩnh vực thử nghiệm: **Dược**Field of Testing: **Pharmaceutical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thuốc (thành phẩm) Drugs (drug dosage)	Xác định hàm lượng nước Phương pháp Karl Fischer <i>Determination of water content Karl Fischer method</i>		Dược điển Việt Nam (ĐĐVN), dược điển các nước, các tiêu chuẩn sơ sở do Bộ Y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese pharmacopeia, other pharmacopeia, manufacturer's specification approved by MOH</i>

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 631

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: **Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe <i>Health supplement</i>	Mô tả hình thái sản phẩm <i>Description of product form</i>		KNTQ/TQKT/ CQ.TP.029 2024
2.		Xác định hàm lượng Vitamin B1, B6 Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of B1, B6 vitamin content HPLC-DAD method</i>	B1: 5 mg/g B6: 5 mg/g	KNTQ/TQKT/ CQ.TP.030 2024
3.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Determination of uniformity of weight</i>	-	KNTQ/TQKT/ CQ.TP.035 2024
4.		Xác định độ tan rã <i>Determination of Disintegration</i>	-	KNTQ/TQKT/ CQ.TP.034 2024
5.	Nước sạch Nước uống đóng chai <i>Domestic water Bottled drinking water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
6.		Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp F-AAS <i>Determination of Iron content F-AAS method</i>	0,2 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
7.		Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp F-AAS <i>Determination of Copper content F- AAS method</i>	0,2 mg/L	SMEWW 3111B: 2023
8.		Xác định hàm lượng Asen Phương pháp HV-AAS <i>Determination Arsenic content HV-AAS method</i>	1 µg/L	TCVN 6626:2000

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS
VILAS 631

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
9.		Xác định hàm lượng Cadimi Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Cadmium content GF-AAS method</i>	0.5 µg/L	SMEWW 3113B: 2023
10.	Nước sạch Nước uống đóng chai <i>Domestic water Bottled drinking water</i>	Xác định hàm lượng Chì Phương pháp GF-AAS <i>Determination of Lead content GF-AAS method</i>	5 µg/L	SMEWW 3113B: 2023

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ Vietnamese Standard
- SMEWW: Standard method for the Examination of Water and Wastewater
- KNTQ/TQKT/ CQ.TP...: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ Laboratory developed method

Trường hợp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the Drugs, Cosmetics and Food Quality Control Center that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.